TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN THÀNH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/KDTM- ST
Ngày: 16/7/2019
V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN THÀNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Thu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Quế;

Bà Nguyễn Thị Sơn.

- *Thư ký phiên toà*: Bà Trịnh Thị Yến.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Thành tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuận Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 08/TLST- KDTM ngày 05 tháng 11 năm 2013 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐST- DS ngày 05 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: Số 25, Tr, Ph, quận H, thành phố H.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Đại diện theo ủy Qền:

- Ông Trần Hải V - Chức vụ: Chuyên viên tố tụng và tố cáo đ ịa bàn miền Bắc- Khối xử lý nợ và Tái cấu trúc. (Có mặt)

- Ông Hoàng Văn Th - Chức vụ: Giám đốc khởi kiện khu vực Hà Nội - Khối xử lý nợ và Tái cấu trúc.

- Ông Vũ Đình Nh - Chức vụ: Chuyên viên tố tụng và tố cáo đ ịa bàn miền Bắc- Khối xử lý nợ và Tái cấu trúc.

Địa chỉ: Tầng 4, số 18, L, quận H, H

Bị đơn: Công ty TNHH M.

Địa chỉ: Thôn Ph, xã N, huyện Th, tỉnh B.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn L – Giám đốc Công ty. (Có mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Khắc Ng - Chức vụ: Phó giám đốc Công ty TNHH M. Địa chỉ: Số 635, phố L, phường X, quận T, thành phố H (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phan Văn L, sinh năm 1970 (Có mặt).

- Bà Phùng Thị H, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

- Ông Đoàn Quang M, sinh năm 1970. (Vắng mặt)

- Bà Đỗ Thị V, sinh năm 1975. (Bà V ủy quyền cho ông M).

- Anh Đoàn Mạnh H, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

- Ông Đỗ Đăng Q sinh năm 1966. (Vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Bích Ng sinh năm 1974. (Bà Ng ủy quyền cho ông Q).

Tất cả các đương sự đều trú tại: Thôn Ph, xã N, huyện Th, tỉnh B.

- Văn phòng công chứng B. Địa chỉ: Số 188, đường L, thị trấn L, huyện T, tỉnh B.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế H- Chức vụ: Trưởng phòng công chứng B. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của các đương sự tại Toà án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phía đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày : Ngày 30/7/2010 Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh B với Công ty TNHH M do ông Phan Văn L- Chức vụ: Giám đốc Công ty là đại diện theo pháp luật có ký Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 194/2010/HĐTDHM với nội dung chính: Ngân hàng cho Công ty TNHH M do ông Phan Văn L đại diện vay số tiền theo hạn mức giá trị tối đa là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng); Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, thanh toán tiền mua nguyên vật liệu cho các đối tác phục vụ sản xuất kinh doanh nhựa và vật liệu xây dựng; Thời hạn hiệu lực của HMTD là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Thời hạn mỗi khoản vay trong HMTD không vượt quá 06 tháng; Lãi suất cho vay: Lãi suất vay trong hạn được xác định tại thời điểm giải ngân của từng món tiền vay được ghi trong từng Giấy (Khế ước) nhận nợ cụ thể; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay này ba hộ gia đình gồm: Gia đình ông (Phan Văn L, Phùng Thị H); Đỗ Đăng Q, bà Nguyễn Thị Bích Ng; Ông Đoàn Quang M, bà Đỗ Thị V đã ký 03 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của 03 hộ gia đình trên cho Ngân hàng.

Sau khi ký Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty TNHH M do ông Phan Văn L số tiền theo 04 Giấy nhận nợ sau:

- Giấy nhận nợ ngày 31/7/2010 với số tiền 1.945.000.000đ; Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động, thanh toán tiền mua nguyên vật liệu cho các đối tác phục vụ sản xuất kinh doanh nhựa và vật liệu xây dựng; Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày 31/7/2010, ngày trả cuối cùng 31/01/2011; Lãi suất cho vay: Áp dụng tại thời điểm giải ngân là 14%/năm.

- Giấy nhận nợ lần 2 ngày 25/01/2011 với số tiền 900.000.000đ; Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua hạt nhựa theo Hợp đồng kinh tế số 15/2011/HĐKT- MT- NN ngày 05/11/2011 giữa Công ty M và Công ty TNHH nhựa N; Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày 25/01/2011, ngày trả cuối cùng 25/7/2011; Lãi suất cho vay: Áp dụng tại thời điểm giải ngân là 18,5%/năm.

- Giấy nhận nợ lần 3 ngày 25/02/2011 với số tiền 1.045.000.000đ; Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua hạt nhựa theo Hợp đồng kinh tế số

21/2011/HĐKT- MT- TT ngày 15/02/2011 giữa Công ty M và Công ty TNHH SX & TM Th; Thanh toán tiền mua hạt nhựa theo Hợp đồng kinh tế số 01/2011/PA-MT ngày 01/02/2011 giữa Công ty M và Công ty TNHH nhựa Ph; Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày 25/02/2011, ngày trả cuối cùng 25/8/2011; Lãi suất cho vay: Áp dụng tại thời điểm giải ngân là 18,5%/năm.

- Giấy nhận nợ lần 4 ngày 02/8/2011 với số tiền 900.000.000đ; Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua hạt nhựa theo Hợp đồng kinh tế số 07011/2011/PA- MT ngày 07/7/2011 giữa Công ty M và Công ty TNHH nhựa N; Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày 02/8/2011, ngày trả cuối cùng 02/02/2012; Lãi suất cho vay: Áp dụng tại thời điểm giải ngân là 25%/năm.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Công ty M đã thanh toán xong số tiền gốc và lãi theo 03 giấy nhận nợ (Giấy nhận nợ ngày 31/7/2010; Giấy nhận nợ lần 2 ngày 25/01/2011; Giấy nhận nợ lần 3 ngày 25/02/2011).

Đối với số tiền 900.000.000đ theo Giấy nhận nợ lần 4 ngày 02/8/2011, trong quá trình thực hiện hợp đồng Công ty M đã trả Ngân hàng được tổng số tiền lãi trong hạn là 56.250.000đ. Và đến ngày 17/9/2012 Công ty M đã trả được số tiền là 440.000.000đ (Theo Giấy nộp tiền ngày 17/9/2012). Trong đó Ngân hàng đã trừ cho Công ty M 300.000.000đ tiền gốc và 140.000.000đ tiền lãi.

Nay Ngân hàng TMCP Đ đề nghị Toà án buộc Công ty TNHH M do ông Phan Văn L đại diện phải trả cho Ngân hàng tổng số nợ tiền gốc, lãi tạm tính đến ngày 15/7/2019 là 2.057.668.869đ. (Cụ thể : tiền gốc : 600.000.000đ, lãi trong hạn : 58.750.000đ, lãi phạt quá hạn 1.281.742.632, lãi phạt của lãi quá hạn117.176.237đ).

Nếu Công ty M không thanh toán trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng đề nghị Tòa án xử lý tài sản thế chấp của bên thứ ba đã thế chấp cho Ngân hàng để Ngân hàng thu hồi nợ theoquy định của pháp luật.

Phía bị đơn do ông Phan Văn L đại diện theo pháp luật trình bày: Ông xác nhận ngày 30/7/2010 giữa Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh B với Công ty TNHH M do ông đại diện có ký Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 194/2010/HĐTDHM và nội dung hợp đồng như phía Ngân hàng trình bày là đúng. Sau khi ký Hợp đồng tín dụng này, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty M do ông đại diện số tiền 1.945.000.000đ. Từ khi vay đến khoảng cuối năm 2013 Công ty M đã trả được cho Ngân hàng tổng số tiền gốc là 1.500.000.000đ, còn tiền lãi là bao nhiêu thì ông không nhớ. Ông xác nhận từ năm 2013 đến nay do Công ty gặp khó khăn nên ông không trả Ngân hàng được nữa.

Nay ông cho rằng Công ty M chỉ còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 460.000.000đ và tiền lãi. Do việc kinh doanh của Công ty đang gặp rất nhiều khó khăn nên ông đề nghị Ngân hàng xem xét tạo điều kiện cho Công ty trả tổng số tiền gốc và lãi là 750.000.000đ, toàn bộ số tiền lãi còn lại thì đề nghị Ngân hàng miễn giảm cho Công ty.

Các tài sản đảm bảo cho khoản vay này phía nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thống nhất trình bày:

1. Ngày 30/7/2010 ông Phan Văn L, bà Phùng Thị H có ký Hợp đồng thế chấp Qền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba số 164/2010/HĐTC cho

Ngân hàng Nội dung hợp đồng: Ông L, bà H thế chấp toàn bộ Qền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của hai thửa đất: Thửa đất số 156b, tờ bản đồ số 05, diện tích 165m^2 và tài sản trên đất là 01 nhà bê tông cốt thép 02 tầng diện tích sử dụng 160m^2 tại thôn Ph, xã N, huyện Th, tỉnh B. (Thửa đất này được UBND huyện Th, tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 603864 ngày 31/3/2005 mang tên bà Phùng Thị H). Thửa đất số 156a, tờ bản đồ số 05, tổng diện tích 175m^2 và tài sản trên đất là 01 nhà mái tôn diện tích sử dụng 175m^2 tại thôn Ph, xã N, huyện Th, tỉnh B. (Thửa đất này được UBND huyện Th, tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 603863 ngày 31/3/2005 mang tên ông Phan Văn L). Giá trị tài sản này được các bên thống nhất định giá là 1.385.300.000đ (Theo Biên bản đánh giá tài sản ngày 15/7/2010).

Tài sản này được Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Th chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 30/7/2010.

Tài sản này Ông L, bà H thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của Công ty M đối với Ngân hàng phát sinh trước hoặc sau thời điểm ký hợp đồng này.

(Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ngân hàng đã giải chấp tài sản thế chấp là Qền sử dụng thửa đất số 156b, tờ bản đồ số 05, diện tích 165m^2 mang tên bà Phùng Thị H).

2. Ngày 30/7/2010 ông Đỗ Đăng Q (Q), bà Nguyễn Thị Bích Ng ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba số 0162/2010/HĐTC cho Ngân hàng . Nội dung hợp đồng: Ông Q, bà Ng thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 104, tờ bản đồ số 06, diện tích 178m^2 và tài sản trên đất là 01 nhà bê tông cốt thép 01 tầng diện tích sử dụng 100m^2 tại thôn Ph, xã N, huyện Th, tỉnh B. (Thửa đất này được UBND huyện Thuận Th, tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 456670 ngày 23/6/2006 mang tên ông Đỗ Đăng Q). Giá trị tài sản này được các bên thống nhất định giá là 833.760.000đ (Theo Biên bản đánh giá tài sản bảo đảm ngày 15/7/2010).

Tài sản này được Phòng Tài nguyên môi trường huyện Th chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 30/7/2010.

Tài sản này Ông Q, bà Ng thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của Công ty M đối với Ngân hàng phát sinh trước hoặc sau thời điểm ký hợp đồng này.

3. Ngày 30/7/2010 ông Đoàn Quang M, bà Đỗ Thị V ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba số 0163/2010/HĐTC cho Ngân hàng. Nội dung hợp đồng: Ông M, bà V thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 26, tờ bản đồ số 06, diện tích 120m^2 và tài sản trên đất là 01 nhà bê tông cốt thép 01 tầng diện tích sử dụng 100m^2 tại thôn Ph, xã N, huyện Th, tỉnh B. (Thửa đất này được UBND huyện Th, tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 402228 ngày 19/01/2009 mang tên ông Đoàn Quang M, bà Đỗ Thị V). Giá trị tài sản này được các bên

thống nhất định giá là 560.400.000đ (Theo Biên bản đánh giá tài sản bảo đảm ngày 15/7/2010).

Tài sản này được Phòng Tài nguyên môi trường huyện Th chứng nhận đăng ký thế chấp ngày 30/7/2010.

Tài sản này ông M, bà V thế chấp cho Ngân hàng để đảm bảo thực hiện toàn bộ nghĩa vụ dân sự của Công ty M đối với Ngân hàng phát sinh trước hoặc sau thời điểm ký hợp đồng này.

Trong quá trình làm việc tại Tòa án, ông Phan Văn L, bà Phùng Thị H; ông Đỗ Đăng Q, bà Nguyễn Thị Bích Ng; Ông Đoàn Quang M, bà Đỗ Thị V đều xác nhận không có ý kiến gì về Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện . Phía đại diện theo ủy quyền của bị đơn đề nghị nếu Ngân hàng đồng ý thì phía Công ty TNHH M sẽ trả Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi là 750.000.000đ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày các bên ký thỏa thuận, phía Ngân hàng sẽ giải chấp toàn bộ tài sản thế chấp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nếu Ngân hàng không đáp ứng được đề xuất của Công ty M thì phía Công ty M đề nghị Tòa án xem xét các kiến nghị của Công ty M.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Phía đại diện Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH M do ông Phan Văn L đại diện phải trả Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/7/2019 là 2.057.668.869đồng

Kể từ ngày16/7/2019 Công ty TNHH M do ông Phan Văn L đại diện tiếp tục phải chịu lãi suất quá hạn tương ứng với số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Nếu Công ty TNHH M không thanh toán trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng thì đề nghị Toà án xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để Ngân hàng thu hồi nợ theo quy định của pháp luật

Về chi phí xem xét thẩm định: Phía Ngân hàng tự nguyện chi trả toàn bộ tiền chi phí xem xét thẩm định và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ông Trần Khắc Ng là đại diện theo ủy Quyền của bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn mà cho rằng việc hạch toán trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng là không đúng. Công ty TNHH M chỉ còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 460.000.000đ chứ không phải 600.000.000đ.

Ngoài ra ông Ng đề nghị Tòa án xem xét, thụ lý Đơn phản tố ngày 15/3/2018 của Công ty TNHH M. Đề nghị Tòa án căn cứ Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 467 Bộ luật dân sự 2005; Điều 468, 407 Bộ luật dân sự 2015 và các quy định của pháp luật về trần lãi suất cho vay đối với các Ngân hàng thương mại từng thời điểm từ các năm 2010 đến 2018 tuyên bố Hợp đồng tín dụng số 194/2010 ngày 30/7/2010 và các Hợp đồng thế chấp cũng vô hiệu. Công ty TNHH M sẽ hoàn trả lại tài sản đã nhận của Ngân hàng và Ngân hàng sẽ phải hoàn trả lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Căn cứ ông Ng đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng tín dụng và các Hợp đồng thế chấp vô hiệu.

Đối với Hợp đồng tín dụng: Về hình thức đã vi phạm quy định về mẫu hợp đồng. Về nội dung: Theo quy định Điều 467 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 7 Nghị Quyết 01 ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao ; Quyết định số 16 ngày 16/5/2008 của ngân hàng Nhà nước thì lãi suất vay trong hợp đồng đã vượt quá quy định của pháp luật.

Đối với Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng với ông Phan Văn L, bà Phùng Thị H cũng vô hiệu vì không xác định được năng lực hành vi của bà H khi giao kết hợp đồng. Ông L, bà H khi ký hợp đồng thế chấp này đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của hai thửa đất (01 thửa mang tên bà H, 01 thửa mang tên ông L). Theo quy định của Nghị định 165 về đăng ký giao dịch bảo đảm các bên phải đăng ký thế chấp lại nhưng khi Ngân hàng giải chấp Quyền sử dụng thửa đất mang tên bà H đã không thực hiện việc đăng ký lại . Đối với tài sản thế chấp là thửa đất mang tên ông L, Ngân hàng ký kết không đúng pháp luật vì khi kết có tài sản củ a Công ty trên thửa đất này nhưng không thông qua Hội đồng thành viên.

Ngân hàng đã vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng tín dụng , đó là kh ông giải chấp tài sản khi Công ty M đã thanh toán xong các phần nghĩa vụ liên quan đến giao dịch thế chấp.

- Ông Phan Văn L với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bởi lẽ Công ty M vay Ngân hàng số tiền theo hạn mức là 2 tỷ đồng. Công ty đã trả nhiều lần và yêu cầu Ngân hàng giải chấp tài sản cho người liên quan nhưng Ngân hàng không thực hiện dẫn đến Công ty làm ăn gặp rất nhiều khó khăn . Ông xác định đến nay Công ty chỉ còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 460.000.000đ. Vì theo giấy nộp tiền ngày 19/9/2012 ông đã trả Ngân hàng số tiền gốc 440.000.000đ nhưng sau đó Ngân hàng lại chỉ trừ tiền gốc 300.000.000đ, số tiền còn lại ngân hàng trừ vào tiền lãi , ông không nhất trí.

Đối với hợp đồng thế chấp: Ông xác nhận vợ chồng ông có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH M. Tuy nhiên khi ký kết hợp đồng thế chấp với Ngân hàng , mặc dù thửa đất thì mang tên ông nhưng tài sản trên đất là ngôi nhà mái tôn diện tích sử dụng 175m^2 là của Công ty M. Nhưng khi ký kết hợp đồng ông có thông qua Hội đồng thành viên Công ty hay không đến nay ông không nhớ. Do vậy ông ông nhất trí với ý kiến của ông Ng đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng thế chấp giữa vợ chồng ông với Ngân hàng vô hiệu.

- Ông Trần Hải V không đồng ý với đại diện theo ủy quyền của bị đơn mà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông cho rằng phía đại diện của Công ty M căn cứ vào Giấy nộp tiền ngày 17/9/2012 để xác định Công ty M đã trả Ngân hàng số tiền gốc 440.000.000đ là không đúng Bởi lẽ nội dung trả gốc hay lãi trong Giấy nộp tiền này là do phía người nộp tiền tự ghi. Hơn nữa tại thời điểm ngày 17/9/2012 khoản vay của Công ty M đã bị chuyển sang nợ quá hạn. Theo quy định tại điểm 7.7 Điều 7 của Hợp

đồng tín dụng đã ký giữa hai bên thì việc thu nợ được thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau: phí/các khoản phạt/ các khoản phải trả khác (nếu có), nợ lãi quá hạn, nợ gốc quá hạn, nợ gốc trong hạn..Như vậy khi Công ty M trả Ngân hàng số tiền 440.000.000đ, lẽ ra phía Ngân hàng có quyền trừ số tiền trên vào các khoản phí, lãi quá hạn... sau đó mới trừ vào tiền nợ gốc trong hạn nhưng Ngân hàng đã tạo điều kiện cho Công ty M nên đã trừ số tiền 300.000.000đ vào tiền nợ gốc, chỉ trừ số tiền 140.000.000đ vào tiền lãi. Do vậy tính đến nay Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Công ty M phải trả Ngân hàng số tiền gốc là 600.000.000đ và lãi.

Việc ký kết HĐ thế chấp giữa Ngân hàng với vợ chồng ông Phan Văn L, bà Phùng Thị H; ông Đỗ Đăng Q, bà Nguyễn Thị Bích Ng; Ông Đoàn Quang M, bà Đỗ Thị V đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị Bích Ng ủy quyền cho ông Đỗ Đăng Q, Bà Đỗ Thị V ủy quyền cho ông Đoàn Quang M tham gia tố tụng tại Tòa án và được toàn quyền đưa ra các quyết định trong quá trình giải quyết vụ án; Anh Đoàn Mạnh H (là con trai của ông M, bà V), ông Đỗ Đăng Q, ông Đoàn Quang M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; Bà Phùng Thị H đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa và đồng ý để ông Phan Văn L đưa ra các quyết định trong quá trình giải quyết vụ án; ông Nguyễn Thế H - Trưởng Văn phòng công chứng B có đơn đề n ghị vắng mặt tại phiên tòa . Do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

- Quá trình làm việc tại Tòa án ô ng Đỗ Đăng Q trình bày: Ông xác nhận vợ chồng ông có ký Hợp đồng thế chấp tài sản cho Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH M do ông Phan Văn L là giám đốc. Ngoài ra ông Q trình bày: Trong Chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu tên ông là Đỗ Đăng Q nhưng khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cơ quan có thẩm quyền đã ghi tên ông là Đỗ Đăng Q

- Ông Đoàn Quang M trình bày: Ông xác nhận vợ chồng ông có ký Hợp đồng thế chấp tài sản cho Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH M do ông Phan Văn L là giám đốc. Khi vợ chồng ông ký Hợp đồng thế chấp tài sản này mặc dù lúc đó trong hộ khẩu có tên mẹ ông là bà Nguyễn Thị T nhưng bà tuổi đã cao chỉ sống cùng với vợ chồng ông. Đến năm 2012 thì mẹ ông mất. Ngoài ra còn có con trai ông là Đoàn Mạnh H, sinh năm 1993 nhưng lúc đó anh H vẫn còn đang tuổi đi học sống phụ thuộc vào vợ chồng ông nên không có công sức gì đối với tài sản này. Do vậy ô ng khẳng định thửa đất này là tài sản của vợ chồng ông và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận mang tên vợ chồng ông nên vợ chồng ông có quyền định đoạt tài sản này.

- Ông Nguyễn Thế H, Trưởng Văn phòng công chứng B, tỉnh B có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa . Tại bản tự khai của ông H thể hiện: Ngày 30/7/2010 Văn phòng công chứng B nhận được yêu cầu công chứng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba của ông Đỗ Đăng Q, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Bích Ng , sinh năm 1974; Ông Đoàn Quang M, sinh năm 1970 và bà Đỗ Thị V, sinh năm 1975. Phan Văn L, sinh năm 1970 và bà Phùng Thị H, sinh năm 1971. Tất cả đều có HKTT: Thôn Ph, xã N, huyện Th, tỉnh B. Sau khi xem xét các giấy tờ yêu cầu công chứng c ủa Ông Q, Bà Ng, ông M, bà V, ông

L, bà H, Văn phòng công chứng B đã tiến hành công chứng 03 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất trên theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

Tại phiên toà hôm nay Kiểm sát viên phát biểu và kết luận về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà , nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 305, 342, 343,344, 347, 355,474,478, 715, 720, 721 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91,144, 147, 227, 228, 200 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 3, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

- Buộc Công ty TNHH M do ông Phan Văn L đại diện theo pháp luật phải thanh toán trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/7/2019 là: 1.940.492.632đồng. (Cụ thể : tiền gốc: 600.000.000đ, lãi trong hạn: 58.750.000đ, lãi phạt Quá hạn: 1.281.742.632đ).

Kể từ ngày16/7/2019 Công ty TNHH M do ông Phan Văn L đại diện tiếp tục phải chịu lãi suất quá hạn tương ứng với số tiền còn nợ theo H ợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng.

- Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu Côngdo TNHH Minh Thành do ông Phan Văn L đại diện theo pháp luật phải thanh toán trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền lãi phạt cho lãi chậm là 117.176.237đồng.

Sau khi Công ty TNHH M do ông Phan Văn L đại diện thanh toán trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng thì phía Ngân hàng có nghĩa vụ giải chấp tài sản của ông Đỗ Đăng Q, bà Nguyễn Thị Bích Ng ; Ông Đoàn Quang M, bà Đỗ Thị V ; Ông Phan Văn L, bà Phùng Thị H đã thế chấp tại Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Nếu Công ty TNHH M do ông Phan Văn L đại diện không thanh toán trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản mà ông Đỗ Đăng Q, bà Nguyễn Thị Bích Ng , Ông Đoàn Quang M, bà Đỗ Thị V, ông Phan Văn L, bà Phùng Thị H đã thế chấp cho Ngân hàng để Ngân hàng thu hồi nợ theoquy định của pháp luật.

Về chi phí xem xét thẩm định: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí : Công ty TNHH M do ông Phan Văn L đại diện và Ngân hàng TMCP Đ phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Sau khi nghe ý kiến đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 30/7/2010 Ngân hàng TMCP Đ- Chi nhánh B với Công ty TNHH M do ông Phan Văn L- Chức vụ: Giám đốc Công ty là đại diện theo pháp luật có ký Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 194/2010/HĐTDHM với nội dung chính: Ngân hàng cho Công ty TNHH M do Ông L đại diện vay số tiền theo hạn mức giá trị tối đa là 2.000.000.000đ (Hai tỷ đồng); Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, thanh toán tiền mua nguyên vật liệu cho các đối tác phục vụ sản xuất kinh doanh nhựa và vật liệu xây dựng; Thời hạn hiệu lực của HMTD là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này; Thời hạn mỗi khoản vay trong HMTD không vượt quá 06 tháng; Lãi suất cho vay: Lãi suất vay trong hạn được xác định tại thời điểm giải ngân của từng món tiền vay được ghi trong từng Giấy (Khế ước) nhận nợ cụ thể; Lãi suấtquá hạn bằng150% lãi suất vay trong hạn

Sau khi ký Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng này, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty TNHH M do ông Phan Văn L số tiền theo 04 Giấy nhận nợ:

- Giấy nhận nợ ngày 31/7/2010 với số tiền 1.945.000.000đ; Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động, thanh toán tiền mua nguyên vật liệu cho các đối tác phục vụ sản xuất kinh doanh nhựa và vật liệu xây dựng; Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày 31/7/2010, ngày trả cuối cùng 31/01/2011; Lãi suất cho vay: Áp dụng tại thời điểm giải ngân là 14%/năm.

- Giấy nhận nợ lần 2 ngày 25/01/2011 với số tiền 900.000.000đ; Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua hạt nhựa theo Hợp đồng kinh tế số 15/2011/HĐKT- MT- NN ngày 05/11/2011 giữa Công ty M và Công ty TNHH nhựa N; Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày 25/01/2011, ngày trả cuối cùng 25/7/2011; Lãi suất cho vay: Áp dụng tại thời điểm giải ngân là 18,5%/năm.

- Giấy nhận nợ lần 3 ngày 25/02/2011 với số tiền 1.045.000.000đ; Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua hạt nhựa theo Hợp đồng kinh tế số 21/2011/HĐKT- MT- TT ngày 15/02/2011 giữa Công ty M và Công ty TNHH SX & TM Th; Thanh toán tiền mua hạt nhựa theo Hợp đồng kinh tế số 01/2011/PA-MT ngày 01/02/2011 giữa Công ty M và Công ty TNHH nhựa Ph; Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày 25/02/2011, ngày trả cuối cùng 25/8/2011; Lãi suất cho vay: Áp dụng tại thời điểm giải ngân là 18,5%/năm.

- Giấy nhận nợ lần 4 ngày 02/8/2011 với số tiền 900.000.000đ; Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua hạt nhựa theo Hợp đồng kinh tế số 07011/2011/PA- MT ngày 07/7/2011 giữa Công ty M và Công ty TNHH nhựa N; Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày 02/8/2011, ngày trả cuối cùng 02/02/2012; Lãi suất cho vay: Áp dụng tại thời điểm giải ngân là 25%/năm.

Để đảm bảo cho khoản vay này, ngày 30/7/2010 ba hộ gia đình gồm: gia đình ông Phan Văn L, bà Phùng Thị H; ông Đỗ Đăng Q, bà Nguyễn Thị Bích Ng; ông Đoàn Quang M, bà Đỗ Thị V đã ký 03 Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với Công ty TNHH M do ông Phan Văn L đại diệnvà 03 Hợp đồng thế chấp tài sản giữa Ngân hàng với ông Phan Văn L, bà Phùng Thị H; ông Đỗ Đăng Q, bà Nguyễn Thị Bích Ng; ông Đoàn Quang M, bà Đỗ Thị V là hợp pháp. Khi ký kết hợp đồng các bên đều có

đầy đủ năng lực hành vi dân sự, các thỏa thuận trong hợp đồng về thời hạn vay, lãi suất, lãi phạt đều tự nguyện và tuân thủ theo đúng quy định của Ngân hàng nhà nước, nội dung và hình thức của hợp đồng đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Việc ký kết các hợp đồng thế chấp tài sản giữa bên thứ ba và Ngân hàng được Công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Xét thấy đây là hợp đồng vay tài sản có thời hạn, có lãi và có tài sản bảo đảm của bên thứ ba. Việc Công ty TNHH M do ông Phan Văn L đại diện không thanh toán trả nợ cho phía Ngân hàng khi đến hạn là vi phạm nghĩa vụ của Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[3] Xét yêu cầu của phía Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH M do ông Phan Văn L đại diện phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 15/7/2019 là: 2.057.668.869đ. (Cụ thể: tiền gốc: 600.000.000đ, lãi trong hạn: 58.750.000đ, lãi phạt quá hạn: 1.281.742.632, lãi phạt của lãi quá hạn: 117.176.237đ).

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Đối với yêu cầu trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn của phía Ngân hàng là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay, phù hợp với những thỏa thuận của các bên trong các điều khoản của Hợp đồng tín dụng đã ký kết nên cần chấp nhận để buộc Công ty TNHH M do ông Phan Văn L đại diện phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn tạm tính đến ngày 15/7/2019 là 1.940.492.632đồng (Cụ thể: tiền gốc: 600.000.000đ, lãi trong hạn: 58.750.000đ, lãi phạt quá hạn: 1.281.742.632) theo như yêu cầu của Ngân hàng

Đối với yêu cầu trả số tiền lãi phạt cho lãi chậm trả tạm tính đến ngày 15/7/2019 là 117.176.237đồng. HĐXX xét thấy yêu cầu này của Ngân hàng không có trong thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết và không phù hợp với quy định của pháp luật do vậy không có căn cứ để chấp nhận.

Sau khi Công ty TNHH M do ông Phan Văn L đại diện thanh toán trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có nghĩa vụ giải chấp tài sản thế chấp của ông Phan Văn L, Phùng Thị H; ông Đỗ Đăng Q, bà Nguyễn Thị Bích Ng; ông Đoàn Quang M, bà Đỗ Thị V đã thế chấp tại Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Công ty TNHH M do ông Phan Văn L đại diện không thanh toán trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan thi hành án xử lý tài sản thế chấp mà ông Phan Văn L, Phùng Thị H; ông Đỗ Đăng Q, bà Nguyễn Thị Bích Ng; ông Đoàn Quang M, bà Đỗ Thị V đã thế chấp tại Ngân hàng để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[4] Đối với việc Công chứng Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất giữa ông Phan Văn L, Phùng Thị H; ông Đỗ Đăng Q, bà Nguyễn Thị Bích Ng; ông Đoàn Quang M, bà Đỗ Thị V với Ngân hàng TMCP Đ của Văn phòng công chứng B đúng quy định của pháp luật.

[5] Trong Quá trình làm việc tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay phía đại diện của Công ty M căn cứ vào Giấy nộp tiền ngày 17/9/2012 để xác định Công ty M chỉ còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 460.000.000đ. HĐXX xét thấy theo Giấy nộp tiền ngày 17/9/2012 thì ông Phan Văn L có ký vào phần người nộp tiền và phần nội dung có ghi "Nộp tiền gốc", số tiền nộp là 440.000.000đ. Mặc dù nội dung trong Giấy

nộp tiền này phía người nộp tiền viết "Nộp tiền gốc", nhưng tại thời điểm ngày 17/9/2012 khoản vay của Công ty M đã bị chuyển sang nợ quá hạn nên phía Ngân hàng không chấp nhận trừ toàn bộ số tiền này vào tiền gốc. Theo quy định tại điểm 7.7 Điều 7 của Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên thì việc thu nợ được thực hiện theo thứ tự ưu tiên như sau: phí/các khoản phạt/ các khoản phải trả khác (nếu có), nợ lãi quá hạn, nợ gốc quá hạn, nợ gốc trong hạn...Như vậy khi Công ty M trả Ngân hàng số tiền 440.000.000đ, phía Ngân hàng có quyền trừ số tiền trên vào các khoản phí , lãi quá hạn... sau đó mới trừ vào tiền nợ gốc trong hạn tuy nhiên Ngân hàng đã trừ 300.000.000đ vào tiền nợ gốc, chỉ trừ số tiền 140.000.000đ vào tiền lãi. Do vậy việc đại diện của Công ty M cho rằng chỉ còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 460.000.000đ là không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu Tòa án xem xét và thụ lý Đơn phản tố ngày 15/3/2018 của Công ty TNHH M và đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng tín dụng số 194/2010 ngày 30/7/2010 giữa Ngân hàng TMCP Đ và Công ty TNHH M vô hiệu do vi phạm các quy định của pháp luật. HĐXX xét thấy theo quy định tại Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu này của bị đơn không phải là yêu cầu phản tố do vậy không có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên Tòa án xác định đây là ý kiến của bị đơn đối với nguyên đơn đề nghị Tòa án xem xét về mức lãi suất mà Ngân hàng áp dụng theo Hợp đồng tín dụng số 194 ngày 30/7/2010 là vi phạm quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Các quy định về trần lãi suất cho vay đối với các Ngân hàng thương mại từng thời điểm các năm từ 2010 đến 2018.

HĐXX nhận thấy: Theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 1997:

"Điều 2 quy định về việc áp dụng Luật các tổ chức tín dụng và các luật có liên quan: Việc tổ chức và hoạt động của các tổ chức tín dụng, hoạt động Ngân hàng của các tổ chức khác phải tuân theo các quy định của luật này và các quy định khác có liên quan của pháp luật…

Tại khoản 2 Điều 56 quy định về nghĩa vụ của khách hàng vay: Tại điểm c quy định: Khách hàng vay có nghĩa vụ trả nợ gốc và tiền lãi vay theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng Tại điểm d quy định: Khách hàng vay chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng hợp đồng tín dụng

Do vậy việc Ngân hàng TMCP Đ và Công ty TNHH M ký Hợp đồng tín dụng số 194 ngày 30/7/2010 và thỏa thuận mức lãi suất vay trong hạn, lãi suất quá hạn theo Luật các tổ chức tín dụng mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật dân sự 2005, Bộ luật dân sự 2015 là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Đối với yêu cầu của ông Ng và ông L đề nghị Tòa án tuyên Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của bên thứ ba số 164 ngày 30/7/2010 giữa ông Phan Văn L, bà Phùng Thị H với Ngân hàng vô hiệu do khi ký hợp đồng thế chấp mặc dù thửa đất mang tên ông L nhưng tài sản trên đất là ngôi nhà mái tôn diện tích sử dụng 175m^2 là của Công ty M nhưng khi ký kết hợp đồng ông L đã không thông qua và không được sự nhất trí Hội đồng thành viên Công ty M do vậy việc ký kết hợp đồng này của Ngân hàng là không đúng pháp luật.

HĐXX nhận thấy: Việc ông Phan Văn L cho rằng khi ký Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất cho Ngân hàng để đảm bảo cho khoản

vay của Công ty M ông đã ký thế chấp tài sản của Công ty là 01 ngôi nhà mái tôn diện tích sử dụng 175m^2 (xây trên thửa đất mang tên ông g mà không không thông qua và không được sự nhất trí H ội đồng thành viên Công ty là không có căn cứ. Bởi lẽ Tòa án đã yêu cầu đại diện của bị đơn và ngườ i có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cung cấp chứng cứ chứng minh 01 ngôi nhà mái tôn diện tích sử dụng 175m^2 được xây dựng trên thửa đất số 156a, tờ bản đồ số 05, tổng diện tích 175m^2 tại thôn Ph, xã N, huyện Th, tỉnh B mang tên ông Phan Văn L là tài sản củaCông ty M. Tuy nhiên các đương sự không cung cấp được chứng cứ chứng minh tài sản này là củCông ty M do vậy không có căn cứ để chấp nhận

Hơn nữa theo quy định tại điểm f , khoản 14.2 Điều 14 của Điều lệ Công ty TNHH M thì giám đốc Công ty có quyền ký kết hợp đồng nhân danh Công ty , trừ trường hợp thuộc thẩmquyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên

[8] Liên Quan trong vụ án này còn có bà Nguyễn Thị T (là mẹ đẻ của ông M) và anh Đoàn Mạnh H (là con trai của ông M, bà V). Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh H không có mặt. Phía ông M xác nhận khi ký hợp đồng thế chấp tài sản cho Ngân hàng thì anh H vẫn còn đang đi học, sống phụ thuộc vào gia đình . Còn bà T là mẹ ông tuổi đã cao , chỉ sống cùng vợ chồng ông do vậy bà T và anh H đều không có công sức đối với tài sản này.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh và xác định*:* Bố đẻ ông M là ông Đoàn Xuân H (sinh năm 1942, mất năm 1974); Mẹ đẻ ông M là bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1945, mất năm 2012). Trước khi mất ông H và bà T đều không để lại di chúc . Khi còn sống ông H, bà T sinh được 02 người con là ông Đoàn Quang M và ông Đoàn Quang H , sinh năm 1967 (ông H mất năm 2017). Ông H có vợ là bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972 và có 01 con trai là Đoàn Quang Nh, sinh năm 2009.

Tòa án đã làm việc với bà Nguyễn Thị L (là vợ của ông Đoàn Quang H) và bà L trình bày: Bà và Ông H có 01 con chung là Đoàn Quang Nh, sinh năm 2009. Ông H mất năm 2017, trước khi mất Ông H không để lại di chú c. Bà L xác nhận với tài sản mà ông M, Bà V thế chấp cho Ngân hàng là của vợ chồng ông M, Ông H không có quyền lợi gì liên quan đối tài sản này nên bà không có yêu cầu gì . HĐXX xét thấy không cần đưa bà L và cháu Nh tham gia tố tụng với tư cách là người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng trong vụ án.

[9] Về án phí và chi phí tố tụng:

Đối với số tiền mà nguyên đơn yêu cầu được chấp nhận thì bị đơn phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền mà nguyên đơn yêu cầu không được chấp nhận thì nguyên đơn phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theoquy định của pháp luật

Về chi phí xem xét th ẩm định tại chỗ : Phía nguyên đơn tự nguyện chi trả , không yêu cầu Tòa án giảiquyết do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 305, 342, 343,344, 347, 355,474,478, 715, 720, 721 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 2, khoản 2 Điều 56 Luật các tổ chức tín dụngnăm 1997;

Căn cứ Điều 91,144, 147, 227, 228, 200 Bộ luật tố tụng dân sự2015;

Nghị QUYết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

Buộc Công ty TNHH M do ông Phan Văn L đại diện theo pháp luật phải thanh toán trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền gốc và lãi theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 194/2010/HĐTDHM ngày 30/7/2010 là 1.940.492.632đồng (Một tỷ chín trăm bốn mươi triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn sáu trăm ba hai đồng). (Cụ thể: Tiền gốc 600.000.000đồng; Lãi trong hạn: 58.750.000đồng; Lãi phạt Quá hạn: 1.281.742.632đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ đối với yêu cầu buộc Công ty TNHH M do ông Phan Văn L đại diện theo pháp luật phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền lãi phạt cho lãi chậm trả tạm tính đến ngày 15/7/2019 là 117.176.237đồng (Một trăm mười bảy triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn hai trăm ba mươi bảy đồng).

(Theo Bảng tính lãi Công ty M từ ngày 02/8/2011 đến ngày 15/7/2019 của Ngân hàng TMCP Đ.

Kể từ ngày 16/7/2019 Công ty TNHH M do ông Phan Văn L đại diệnphải tiếp tục phải chịu lãi phạt quá hạn theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng TMCP Đ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số tiền còn nợ Ngân hàng.

Sau khi Công ty TNHH M do ông Phan Văn L đại diện thanh toán trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng TMCP Đ thì phía Ngân hàng TMCP Đ có nghĩa vụ giải chấp tài sản của ba hộ gia đình đã thế chấp tại Ngân hàng theo quy định của pháp luật. Cụ thể:

- Hoàn trả ông Phan Văn L, bà Phùng Thị H một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 603863 do UBND huyện Th, tỉnh B cấp ngày 31/3/2005 mang tên người sử dụng đất là ông Phan Văn L.

- Hoàn trả ông Đoàn Quang M, bà Đỗ Thị V một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 402228 do UBND huyện Th, tỉnh B cấp ngày 19/11/2009 mang tên người sử dụng đất là ông Đoàn Quang M, bà Đỗ Thị V.

- Hoàn trả ông Đỗ Đăng Q (Q), bà Nguyễn Thị Bích Ng một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 456670 do UBND huyện Th, tỉnh B cấp ngày 23/6/2006 mang tên người sử dụng đất là ông Đỗ ĐăngQ (Q.

Nếu Công ty TNHH M do ông Phan Văn L đại diện không thanh toán trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có Quyền đề nghị Cơ Quan thi hành án dân sự có thẩm Quyền xử lý tài sản mà ông Đỗ Đăng Q (Q), bà Nguyễn Thị Bích Ng, Ông Đoàn Quang M, bà Đỗ Thị V, ông Phan Văn L, bà Phùng Thị H đã thế chấp cho Ngân hàng để Ngân hàng thu hồi nợ theoquy định của pháp luật. Cụ thể:

- Tài sản thế chấp của ông Phan Văn L, bà Phùng Thị Hlà toàn bộ giátrị quyền sử dụng đất của thửa đất số 156a, tờ bản đồ số 05, tổng diện tích 175m^2 và tài sản trên đất là 01 nhà mái tôn diện tích sử dụng 175m^2 tại thôn Ph, xã N, huyện Th, tỉnh B.

(Thửa đất này được UBND huyện Th, tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 603863 ngày 31/3/2005 mang tên ông Phan Văn L).

- Tài sản thế chấp của ông Đỗ Đăng Q (Q), bà Nguyễn Thị Bích Ng là toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 104, tờ bản đồ số 06, diện tích 178m^2 và tài sản trên đất là 01 nhà bê tông cốt thép 01 tầng diện tích sử dụng 100m^2 tại thôn Ph, xã N, huyện Th, tỉnh B. (Thửa đất này được UBND huyện Th, tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 456670 ngày 23/6/2006 mang tên ông Đỗ Đăng Q).

- Tài sản thế chấp của ông Đoàn Quang M, bà Đỗ Thị V là toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của thửa đất số 26, tờ bản đồ số 06, diện tích 120m^2 và tài sản trên đất là 01 nhà bê tông cốt thép 01 tầng diện tích sử dụng 100m^2 tại thôn Ph, xã N, huyện Th, tỉnh B. (Thửa đất này được UBND huyện Th, tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 402228 ngày 19/01/2009 mang tên ông Đoàn Quang M, bà Đỗ Thị V).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố theo Đơn phản tố ngày 15/3/2018 của Công ty TNHH M đối với Ngân hàng TMCP Đ.

4. Về chi phí tố tụng và án phí:

- Công ty TNHH M do ông Phan Văn L đại diện phải chịu 70.214.000đồng (Bẩy mươi triệu hai trăm mười bốn nghìn đồng) (đã làm tròn số) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP Đ phải chịu 5.859.000đồng (Năm triệu tám trăm năm mươi chín nghìn đồng) (đã làm tròn số án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

Xác nhận Ngân hàng TMCP Đ đã nộp 21.045.000đ (Hai mươi mốt triệu không trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án theo Biên lai thu số AA/2012/00234 ngày 04/11/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh. Hoàn trả Ngân hàng TMCP Đ số tiền 15.186.000đồng (Mươi lăm triệu một trăm tám mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng đã nộp

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có QUYền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc ngày niêm yết bản án

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKSND huyện Thuận Thành;*
- *THADS huyện Thuận Thành;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Thu